

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BẢO LÂM  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: /2020/HNGĐ- ST

Ngày: 30-9-2020.

V/v “*Không công nhận là vợ chồng*” giữa bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Danh Hh.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LÂM**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Thẩm phán.

- Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà **Nguyễn Thị Tài**.

- Bà **Lê Thị Sáu**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Vũ Thị Thúy Thành** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Vũ Ngọc Anh** – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án dân sự thụ lý số 115/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 về việc “*Không công nhận là vợ chồng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H** – Sinh năm 1970.

Địa chỉ: Tổ 21, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

( Có mặt ).

Bị đơn: Ông **Đỗ Danh Hh** – Sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 21, thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

( Vắng mặt ).

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 23-6-2020 và những lời trình bày của nguyên đơn thể hiện:

**Về quan hệ hôn nhân:** Bà H với ông Đỗ Danh Hh chung sống với nhau từ ngày 18/8/1987 việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống H phúc với nhau. Từ năm 1996 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do ông Hh thường xuyên uống rượu dẫn đến cãi vã nhau. Bà H và ông Hh đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2020 cho đến nay phần ai nấy sống, không quan tâm chăm sóc nhau. Do vậy bà H đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Hh.

**Về con chung:** Quá trình chung sống bà H với ông Hh đã có 03 người con chung tên là Đỗ Danh Tuấn – Sinh ngày 06/9/1996, Đỗ Thị Lan – Sinh ngày 04/7/1990, Đỗ Danh Mạnh – sinh ngày 06/5/1992 hiện nay các con chung đã trưởng

thành không có bệnh tật, tự lập được cho bản thân do vậy bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung:** Quá trình chung sống bà H với ông Hh có tạo lập được một số tài sản chung nhưng bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có.

Bị đơn ông Đỗ Danh Hh trình bày:

**Về quan hệ hôn nhân:** Ông Hh và bà Nguyễn Thị H chung sống với nhau từ 8/1987 việc chung sống là hoàn toàn tự nguyện có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn, thời gian đầu chung sống H phúc với nhau. Từ năm 2019 bắt đầu xảy ra mâu thuẫn dẫn đến ông với bà H sống ly thân với nhau, mặc dù sống ly thân nhưng hai người vẫn qua lại với nhau. Ông còn yêu thương bà H nên ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà H.

**Về con chung:** Quá trình chung sống ông Hh với bà H đã có 03 người con chung tên là Đỗ Danh Tuấn – Sinh ngày 06/9/1996, Đỗ Thị Lan – Sinh ngày 04/7/1990, Đỗ Danh Mạnh – sinh ngày 06/5/1992 hiện nay các con chung đã trưởng thành không có bệnh tật, tự lập được cho bản thân do vậy nếu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông với bà H thì về con chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về tài sản chung:** Quá trình chung sống ông Hh với bà H có tạo lập được một số tài sản chung nếu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng giữa ông với bà H thì về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Về nợ chung:** Không có.

Tại phiên Tòa bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu như trên.

Sau khi Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lâm phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H về việc “*yêu cầu không công nhận là vợ chồng*” với ông Đỗ Danh Hh. Tuyên xử không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Đỗ Danh Hh là vợ chồng.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí : Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm không công nhận là vợ chồng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ không công nhận là vợ chồng:** Bà H và ông Hh chung sống với nhau từ tháng 8/1987 không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống bà H ông

Hh thường xuyên xảy ra mâu thuẫn không hàn gắn được tình cảm nên đã sống ly thân từ tháng 02/2020 cho đến nay.

Xét thấy việc chung sống như vợ chồng giữa bà H và ông Hh nhưng không đăng ký kết hôn là không hợp pháp, hiện nay bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận vợ chồng với ông Hh, do vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, cần xử không công nhận bà H với ông Hh là vợ chồng.

**[2] Về con chung:** Quá trình chung sống bà H với ông Hh đã có 03 người con chung tên là Đỗ Danh Tuấn – Sinh ngày 06/9/1996, Đỗ Thị Lan – Sinh ngày 04/7/1990, Đỗ Danh Mạnh – sinh ngày 06/5/1992 hiện nay các con chung đã trưởng thành không có bệnh tật, tự lập được cho bản thân do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[3] Về tài sản chung:** Bà H và ông Hh không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[4] Về nợ chung:** Bà H và ông Hh trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[4] Về án phí:** Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần buộc Bà H phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm không công nhận là vợ chồng.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Áp dụng khoản 8 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 207; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT ngày 06/01/2016 của TANDTC, VKSNDTC, BTP hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

1/ Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Không công nhận bà **Nguyễn Thị H** và ông **Đỗ Danh Hh** là vợ chồng.

2/Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ án phí Dân sự sơ thẩm không công nhận là vợ chồng. Được trừ vào số tiền 300.000đ bà H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0019763 ngày 08/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng.

Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (Hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự ), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Bảo Lâm;
- Chi cục THADS huyện Bảo Lâm;
- UBND thị trấn Lộc Thắng, huyện Bảo Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Đình Phong**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Tài**

**Lê Thị Sáu**

**Nguyễn Đình Phong**









.





